

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN, NGÀNH KHÁC VỚI CHUYÊN NGÀNH**  
**DỰ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2020**  
*(Kèm theo Thông báo số: 310 /TB-ĐHLĐXH ngày 06 / 02/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)*

Chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ	Các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác chuyên ngành dự thi		Quy định về bổ sung kiến thức
1. Quản trị nhân lực	<b>Ngành đúng, ngành phù hợp</b>  <b>Ngành gần</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngành tốt nghiệp đại học ngành Quản trị nhân lực, hoặc</li> <li>- Ngành tốt nghiệp đại học là các ngành khác có chương trình đào tạo đại học khác chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực của Trường Đại học Lao động - Xã hội dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.</li> <li>- Ngành tốt nghiệp đại học là một trong các ngành sau: Khoa học quản lý; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng, Quản lý công, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, hoặc</li> <li>- Ngành tốt nghiệp đại học là các ngành: Quản trị kinh doanh, Kinh tế lao động... nếu các ngành này có chương trình đào tạo đại học khác chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực của Trường Đại học Lao động - Xã hội từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<p>Thí sinh không phải học bổ sung kiến thức</p> <p>Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường trước thời hạn nộp hồ sơ dự thi, gồm 01 học phần (02 tín chỉ/học phần):                      Quản trị nhân lực</p>
	<b>Ngành khác</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tốt nghiệp đại học một trong số các ngành sau:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản trị kinh doanh</li> <li>- Kinh doanh quốc tế</li> <li>- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành</li> <li>- Kinh doanh thương mại</li> <li>- Quản trị khách sạn</li> <li>- Tài chính - Ngân hàng</li> <li>- Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống</li> <li>- Bảo hiểm</li> <li>- Marketing</li> <li>- Kế toán</li> <li>- Kiểm toán</li> </ul> </li> </ul>	<p>Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường trước thời hạn nộp hồ sơ dự thi gồm 02 học phần (02 tín chỉ/ học phần):                      Quản trị nhân lực; Tiền lương - tiền công</p>



Chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ	Các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác chuyên ngành dự thi		Quy định về bổ sung kiến thức
		<p>b) Thí sinh tốt nghiệp đại học không thuộc các ngành nêu trên</p>	<p>Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường trước thời hạn nộp hồ sơ dự thi gồm 05 học phần (02 tín chỉ/ học phần): Quản trị nhân lực; Tiền lương - tiền công; Quan hệ lao động; Thị trường lao động; Tê chức - Định mức.</p>
2. Kế toán	<p><b>Ngành đúng, ngành phù hợp</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngành tốt nghiệp đại học là ngành Kế toán, hoặc</li> <li>- Ngành tốt nghiệp đại học là các ngành: Kiểm toán,... nếu các ngành này có chương trình đào tạo đại học khác chương trình đào tạo ngành Kế toán của Trường Đại học Lao động - Xã hội dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành).</li> </ul>	<p>Thí sinh không phải học bổ sung kiến thức</p>
	<p><b>Ngành gần</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngành tốt nghiệp đại học là ngành Kiểm toán, hoặc</li> <li>- Ngành tốt nghiệp đại học là các ngành: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Quản trị nhân lực, Quản lý dự án, Quản lý công, Hệ thống thông tin quản lý... nếu các ngành này có chương trình đào tạo đại học khác chương trình đào tạo ngành Kế toán của Trường Đại học Lao động - Xã hội từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<p>Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường trước thời hạn nộp hồ sơ dự thi, gồm 02 học phần (02 tín chỉ/ học phần): Nguyên lý kế toán 1, Kế toán quản trị.</p>
3. Công tác xã hội	<p><b>Ngành đúng, ngành phù hợp</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngành tốt nghiệp đại học là ngành Công tác xã hội, hoặc</li> <li>- Ngành tốt nghiệp đại học là các ngành: Công tác thanh thiếu niên, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật,...nếu các ngành này có chương trình đào tạo đại học khác chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Lao động - Xã hội dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<p>Thí sinh không phải học bổ sung kiến thức</p>
	<p><b>Ngành gần</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngành tốt nghiệp đại học là các ngành: Công tác thanh thiếu niên, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, hoặc</li> <li>- Ngành tốt nghiệp đại học là các ngành: Xã hội học, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng, Gia đình học, Quản lý dự án,... nếu các ngành này có chương trình</li> </ul>	<p>Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường trước thời hạn nộp hồ sơ dự thi, gồm 02 học phần (02 tín chỉ/ học phần): Nhập môn Công tác xã hội; Hành vi con người và môi trường.</p>

Chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ	Các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác chuyên ngành dự thi		Quy định về bổ sung kiến thức
4. Quản trị kinh doanh	<p><b>Ngành đúng, ngành phù hợp</b></p>	<p>đào tạo đại học khác chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Lao động – Xã hội từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.</p> <p>- <b>Ngành tốt nghiệp đại học là các ngành khác nhưng đã có chứng chỉ tốt nghiệp lớp đào tạo cán bộ quản lý công tác xã hội cấp cao hoặc tương đương.</b></p> <p>- Ngành tốt nghiệp đại học là ngành Quản trị kinh doanh hoặc</p> <p>- Ngành tốt nghiệp đại học là ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Lao động – Xã hội dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.</p>	Thí sinh không phải học bổ sung kiến thức khi dự thi
	<p><b>Ngành gần</b></p>	<p>- Ngành tốt nghiệp đại học là một trong các ngành sau: Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may.</p> <p>- Ngành tốt nghiệp đại học là ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Lao động – Xã hội từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.</p>	Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường trước thời hạn hết hạn nộp hồ sơ dự thi, gồm 01 học phần (02 tín chỉ/ học phần): Quản trị chiến lược
	<p><b>Ngành khác</b></p>	<p>a) Tốt nghiệp đại học thuộc một trong số các ngành sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài chính – Ngân hàng</li> <li>- Bảo hiểm</li> <li>- Kế toán</li> <li>- Kiểm toán</li> <li>- Khoa học quản lý</li> <li>- Quản lý công</li> <li>- Quản trị nhân lực</li> <li>- Hệ thống thông tin quản lý</li> <li>- Quản trị văn phòng</li> </ul>	Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường trước thời hạn hết hạn nộp hồ sơ dự thi, gồm 02 học phần (02 tín chỉ/ học phần): Quản trị chiến lược và Quản trị Marketing

Chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ	Các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác chuyên ngành dự thi	Quy định về bổ sung kiến thức
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ lao động</li> <li>- Quản lý dự án</li> <li>- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành</li> <li>- Quản trị khách sạn</li> <li>- Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống</li> </ul>	
	b) Thí sinh tốt nghiệp đại học không thuộc các ngành nêu trên	Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường trước thời hạn hết hạn nộp hồ sơ dự thi, gồm 05 học phần (02 tín chỉ/ học phần): Kinh tế vi mô; Quản trị chiến lược; Quản trị Marketing; Quản trị học; Lý thuyết tổ chức

**Ghi chú:** Đối với các học phần bổ sung kiến thức: Học phần nào thí sinh đã học ở bậc đại học và có số tín chỉ tương đương, thí sinh sẽ không phải học bổ sung học phần đó.



Học Viện Quản Trị

**Phụ lục II**  
**NỘI DUNG THI VÀ DẠNG THỨC ĐỀ THI**  
**MÔN TIẾNG ANH**

(Kèm theo Thông báo số: **310** /TB-ĐHLDXH ngày **06** tháng **02** năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

**I. DẠNG THỨC ĐỀ THI**

- Đề thi gồm 02 phần: PART 1 và PART 2
- Hình thức thi: Thi viết (Không sử dụng tài liệu)
- Thời gian thi: 150 phút

**II. NỘI DUNG THI**

Nội dung	Mục đích đánh giá và loại hình bài tập	Số câu/ mục	Thang điểm
<b><u>PART 1:</u></b> <b>READING</b>	<p>PART 1: Bao gồm ba phần (SECTIONS) với loại hình bài tập là trắc nghiệm, trả lời câu hỏi theo nội dung bài đọc và điền từ.</p> <p>PART 1 nhằm đánh giá kiến thức ngữ pháp tiếng Anh thông qua khả năng sử dụng tiếng Anh của thí sinh trong đọc hiểu. Tổng số điểm của Part 1 là 40.</p>		
<b>SECTION 1:</b> <b>Grammar, structure, &amp; vocabulary</b> (Ngữ pháp, Cấu trúc, từ vựng)	<p>SECTION 1 gồm 20 câu đọc lập, có <i>bốn phương án để lựa chọn</i> (A, B, C, D). Thí sinh cần chọn <b>MỘT</b> phương án phù hợp nhất với từng khoảng trống trong câu liên quan.</p> <p>SECTION 1 nhằm đánh giá mức độ nắm vững kiến thức tiếng Anh bao gồm ngữ pháp, cấu trúc và từ vựng.</p>	20	10
<b>SECTION 2:</b> <b>Reading Comprehension</b> (Đọc hiểu)	<p>SECTION 2 bao gồm hai bài đọc và 10 câu hỏi. Chủ đề văn bản có liên quan đến vấn đề về văn hoá, xã hội, kinh tế, khoa học, giáo dục v.v.... Thí sinh đọc và trả lời câu hỏi theo nội dung bài đọc.</p> <p>Những câu hỏi đặt ra nhằm giúp thí sinh thể hiện khả năng hiểu ý chính nêu trong văn bản, nắm được thông tin chi tiết, hiểu được quan hệ giữa các ý trong đoạn văn và văn bản, và hiểu được mục đích của tác giả / văn bản.</p>	10	15



Nội dung	Mục đích đánh giá và loại hình bài tập	Số câu/ mục	Thang điểm
<b>SECTION 3</b> <b>Cloze</b> (Điền từ)	SECTION 3 là một đoạn văn bản bao gồm 10 khoảng trống đại diện cho những từ thiếu trong câu liên quan. Thí sinh cần vận dụng kiến thức ngữ pháp, cấu trúc, từ vựng để tìm ra được từ thích hợp cho những khoảng trống liên quan.	10	15
<b><u>PART 2:</u></b> <b>WRITING</b>	PART 2: bao gồm ba loại hình bài tập được gọi là: dựng câu, viết lại câu và viết một bài viết ngắn..  PART 2 nhằm đánh giá khả năng sử dụng tiếng Anh để trình bày hay diễn đạt ý tưởng dưới dạng viết. Đây là bài tập đánh giá kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, đòi hỏi thí sinh phải nắm vững kiến thức về ngữ pháp, cấu trúc và từng vựng trong tiếng Anh. Tổng số điểm của PART 2 là 60 điểm.		
<b>SECTION 1:</b> <b>Sentence building</b> (Dựng câu)	SECTION 1: gồm 10 câu có các từ, tập hợp từ, chưa liên kết với nhau. Thí sinh cần sử dụng những từ, nhóm từ cho sẵn để dựng thành câu hoàn chỉnh – câu có ý nghĩa và đúng ngữ pháp.	10	20
<b>SECTION 2:</b> <b>Sentence Transformation</b> (Viết lại câu)	SECTION 2 là dạng bài tập viết lại câu, bao gồm 10 câu hoàn chỉnh cho sẵn. Thí sinh sử dụng phần gợi ý đã cho để viết thành câu mới mà vẫn giữ nguyên được ý.	10	20
<b>SECTION 3:</b> <b>Essay</b> (Viết một bài theo chủ đề)	SECTION 3 là viết một bài hoàn chỉnh có độ dài từ 150 đến 200 từ về các chủ đề văn hoá, kinh tế, xã hội có liên quan đến đời sống hàng ngày.  Dạng bài tập này kiểm tra cách trình bày một bài viết, từ vựng, ngữ pháp cách kết nối câu và đoạn văn.		20
<b>Tổng điểm bài thi:</b>			<b>100</b>



**Phụ lục III**  
**NỘI DUNG THI VÀ DẠNG THỨC ĐỀ THI**  
**MÔN NHẬP MÔN CÔNG TÁC XÃ HỘI**

*(Kèm theo Thông báo số: 310 /TB-DHLDXH ngày 06 tháng 02 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)*

**I. DẠNG THỨC ĐỀ THI**

- Đề thi gồm 3 câu:

Câu 1 (3 điểm) – Tự luận: Trình bày, phân tích, so sánh, đánh giá các vấn đề chung về công tác xã hội.

Câu 2 (3 điểm) – Tự luận: Trình bày, phân tích một số lý thuyết và quan điểm tiếp cận của công tác xã hội.

Câu 3 (4 điểm) – Tự luận: Ứng dụng một số phương pháp công tác xã hội vào tình huống (ca) cụ thể.

- Hình thức thi: Thi viết (Không sử dụng tài liệu)

- Thời gian thi: 180 phút

**II. NỘI DUNG THI**

**Nội dung 1. Tổng quát về công tác xã hội**

1. Khái niệm, mục đích, chức năng công tác xã hội

- Khái niệm công tác xã hội
- Khái niệm nghề công tác xã hội
- Mục đích, chức năng, vai trò của công tác xã hội
  - + Mục đích của công tác xã hội
  - + Chức năng của công tác xã hội
  - + Vai trò công tác xã hội

2. Giá trị, đạo đức, nguyên tắc công tác xã hội

3. Nhận thức chung về nhân viên xã hội và yêu cầu đối với nhân viên xã hội

- Khái niệm nhân viên xã hội
- Nhiệm vụ của nhân viên xã hội
- Vai trò của nhân viên công tác xã hội
  - + Vai trò là người vận động nguồn lực
  - + Vai trò là người kết nối
  - + Vai trò là người biện hộ
  - + Vai trò là người vận động/hoạt động xã hội
  - + Vai trò là người giáo dục



- + Vai trò người tạo sự thay đổi
- + Vai trò là người tham vấn
- + Vai trò là người trợ giúp xây dựng và thực hiện kế hoạch cộng đồng
- + Vai trò là người chăm sóc, người trợ giúp
- + Vai trò tham gia nghiên cứu
- + Vai trò là người quản lý hành chính
- Yêu cầu của nhân viên công tác xã hội
  - + Yêu cầu về phẩm chất đạo đức
  - + Yêu cầu về kiến thức
  - + Yêu cầu về kỹ năng chuyên môn

### **Nội dung 2. Các thuyết và quan điểm tiếp cận cơ bản về công tác xã hội**

1. Tiếp cận dựa trên thuyết về nhu cầu con người
2. Tiếp cận dựa trên thuyết về quyền con người và trao quyền
3. Tiếp cận dựa trên thuyết nhận thức hành vi
4. Tiếp cận dựa trên thuyết hệ thống
5. Thuyết lãnh đạo
6. Tiếp cận dựa trên thuyết phát triển xã hội và phát triển cộng đồng

### **Nội dung 3. Các phương pháp trong công tác xã hội**

1. Phương pháp công tác xã hội cá nhân
  - Khái niệm công tác xã hội cá nhân
  - Mục đích, vai trò của công tác xã hội cá nhân
  - Vai trò và yêu cầu của nhân viên công tác xã hội trong làm việc với cá nhân (vai trò, yêu cầu về đạo đức, kiến thức, kỹ năng)
  - Tiến trình công tác xã hội cá nhân
  - Một số kỹ năng công tác xã hội cá nhân
2. Phương pháp công tác xã hội nhóm
  - Khái niệm công tác xã hội nhóm
  - Mục đích của công tác xã hội nhóm
  - Tiến trình công tác xã hội nhóm
  - Những kỹ năng cơ bản trong công tác xã hội nhóm
3. Phương pháp phát triển cộng đồng
  - Khái niệm phát triển cộng đồng
  - Mục đích của phát triển cộng đồng
  - Nguyên tắc phát triển cộng đồng
  - Tiến trình phát triển cộng đồng



8



- Các hoạt động trong phát triển cộng đồng

### III. TÀI LIỆU ÔN THI

1. Nguyễn Trung Hải (chủ biên) (2015), Giáo trình phát triển cộng đồng, Trường Đại học Lao động-Xã hội.
2. Nguyễn Thị Thái Lan và Bùi Thị Xuân Mai (2011), Giáo trình Công tác xã hội cá nhân và gia đình, NXB Lao động-Xã hội.
3. Nguyễn Thị Thái Lan (chủ biên) (2008), Giáo trình Công tác xã hội nhóm, NXB Lao động - Xã hội
4. Bùi Thị Xuân Mai (2008), Giáo trình Nhập môn công tác xã hội, NXB Lao động-Xã hội.



**Phụ lục IV**  
**NỘI DUNG THI VÀ DẠNG THỨC ĐỀ THI**  
**MÔN HÀNH VI CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Thông báo số: 310 /TB-DHLĐXH ngày 06 tháng 02 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)*

### **I. DẠNG THỨC ĐỀ THI**

- Đề thi gồm: 03 câu

Câu 1 (2 điểm) - Trắc nghiệm: Kiến thức chung về hành vi con người và môi trường xã hội. Mối quan hệ tương tác giữa hành vi con người và môi trường xã hội

Câu 2 (4 điểm) - Tự luận: Kiến thức về các lý thuyết nghiên cứu hành vi con người và môi trường xã hội

Câu 3 (4 điểm) - Tự luận: Phân tích các giai đoạn phát triển hành vi của con người

- Hình thức thi: Thi viết (Không sử dụng tài liệu)

- Thời gian thi: 180 phút

### **II. NỘI DUNG THI**

#### **Nội dung 1: Kiến thức chung về hành vi con người và môi trường xã hội**

- Hành vi con người: Khái niệm, phân loại, cơ sở sinh học và cơ sở xã hội của hành vi con người cũng như mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố nhận thức, thái độ, hành vi.

- Khái niệm môi trường, phân loại môi trường và các thành tố cơ bản, ý nghĩa của các loại môi trường đó đối với hành vi con người.

- Tác động của môi trường xã hội lên hành vi con người (sự tương tác giữa hành vi con người và môi trường xã hội).

#### **Nội dung 2: Các lý thuyết nghiên cứu hành vi con người và môi trường xã hội**

- Lý thuyết hệ thống

- Lý thuyết phân tâm của S.Freud

- Lý thuyết phát triển tâm lý xã hội của E.Erikson

- Lý thuyết phát triển nhận thức của J.Piaget

- Lý thuyết nhu cầu của Abraham Maslow

- Lý thuyết gắn bó của J.Boweby

#### **Nội dung 3: Các giai đoạn phát triển hành vi con người**

- Đặc điểm phát triển sinh lý, tâm lý, xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển hành vi lứa tuổi

- Đặc điểm hành vi của lứa tuổi

8

- Những điểm cần chú ý trong quá trình hình thành hành vi tích cực và tác động thay đổi hành vi lệch chuẩn cho lứa tuổi

### III. TÀI LIỆU ÔN THI

1. Vũ Gia Hiền, Tâm lý học và chuẩn hành vi, NXB Lao động, 2005.
2. Nguyễn Thị Hồng Nga, Giáo trình Hành vi con người và môi trường xã hội, NXB Lao động - Xã hội, 2010. Trung tâm thư viện Đại học LĐXH.
3. Phan Trọng Ngọ (chủ biên), Các lý thuyết về sự phát triển tâm lý người, NXB đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.
4. Hà Thị Thư, Giáo trình Tâm lý học phát triển, NXB Lao động- Xã hội, năm 2009, Trung tâm thư viện Đại học LĐXH.
5. Hành vi con người và môi trường xã hội, Tài liệu tập huấn của Dự án CFSI về “Đào tạo Công tác xã hội cho cán bộ quản lý các Trung tâm bảo trợ xã hội và Trung tâm công tác xã hội”, 2011. 8



**Phụ lục V**  
**NỘI DUNG THI VÀ DẠNG THỨC ĐỀ THI**  
**MÔN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN**

*(Kèm theo Thông báo số: 310 /TB-ĐHLĐXH ngày 06 tháng 02 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội )*

**I. DẠNG THỨC ĐỀ THI**

- Đề thi: Gồm 03 câu, bao gồm các câu hỏi và bài tập kiểm tra hiểu biết của thí sinh về nguyên tắc, nguyên lý kế toán và việc vận dụng để giải quyết các tình huống thực tế trong kế toán.
- Hình thức thi: Thi viết (không được sử dụng tài liệu)
- Thời gian thi: 180 phút

**II. NỘI DUNG THI**

**Nội dung 1. Bản chất của kế toán**

- Khái niệm, phân loại, mục đích của kế toán
- Đặc điểm và yêu cầu của thông tin kế toán
- Nhiệm vụ của kế toán
- Một số nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung
- Đối tượng của kế toán

**Nội dung 2. Chứng từ kế toán**

- Khái niệm, phân loại và ý nghĩa chứng từ kế toán
- Nội dung và hình thức của chứng từ kế toán
- Luân chuyển chứng từ

**Nội dung 3. Ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế**

- Khái niệm, phân loại và kết cấu tài khoản kế toán
- Hệ thống tài khoản kế toán
- Các quan hệ đối ứng kế toán cơ bản
- Nguyên tắc và trình tự ghi kép
- Kiểm tra việc ghi kép

**Nội dung 4. Báo cáo kế toán**

- Khái niệm và phân loại Báo cáo kế toán
- Bảng cân đối kế toán:
  - + Mục đích, nội dung, kết cấu bảng cân đối kế toán
  - + Nguyên tắc, phương pháp lập bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả kinh doanh
  - + Mục đích, nội dung, kết cấu báo cáo kết quả kinh doanh
  - + Nguyên tắc, phương pháp lập báo cáo kết quả kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
  - + Mục đích, nội dung, kết cấu báo cáo lưu chuyển tiền tệ



+ Nguyên tắc, phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ

### **Nội dung 5. Kế toán một số hoạt động kinh doanh chủ yếu**

- Kế toán các nghiệp vụ mua hàng
  - + Ý nghĩa, nhiệm vụ của kế toán các nghiệp vụ mua hàng
  - + Chứng từ và tài khoản sử dụng
  - + Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ mua hàng theo hệ thống kê khai thường xuyên và hệ thống kiểm kê định kỳ
- Kế toán quá trình sản xuất
  - + Ý nghĩa, nhiệm vụ của kế toán quá trình sản xuất
  - + Phân loại chi phí sản xuất
  - + Chứng từ và tài khoản kế toán sử dụng
  - + Phương pháp hạch toán
- Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh
  - + Ý nghĩa, nhiệm vụ của kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh
  - + Chứng từ và tài khoản kế toán sử dụng
  - + Phương pháp hạch toán, doanh thu, giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh

### **III. TÀI LIỆU ÔN THI**

1. Nghiêm Văn Lợi (Chủ biên), Giáo trình Nguyên lý kế toán, NXB Tài chính, 2010
2. Phan Thị Thu Mai (Chủ biên), Bài tập Nguyên lý kế toán 1, 2018



**Phụ lục VI**  
**NỘI DUNG THI VÀ DẠNG THỨC ĐỀ THI**  
**MÔN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ**

(Kèm theo Thông báo số: *MU*/TB-ĐHLĐXH ngày 06 tháng 02 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội )

**I. DẠNG THỨC ĐỀ THI**

- Đề thi gồm từ 3-5 câu hỏi hoặc bài tập kiểm tra sự hiểu biết của thí sinh về các kiến thức kế toán quản trị, sự vận dụng kế toán quản trị để ra quyết định trong thực tế.

- Hình thức thi: Thi viết (Không sử dụng tài liệu)

- Thời gian thi: 180 phút

**II. NỘI DUNG THI**

Nội dung thi tập trung vào các chương và các nội dung sau:

**Chương II. PHÂN LOẠI CHI PHÍ**

1. Khái niệm chi phí
2. Phân loại chi phí
  - 2.1. Theo đối tượng hạch toán chi phí
  - 2.2. Theo quy trình sản xuất
  - 2.3. Theo báo cáo tài chính
  - 2.4. Để phục vụ cho việc ra quyết định
  - 2.5. Theo hình thái chi phí

**Chương IV. HÌNH THÁI CHI PHÍ**

**I. Chi phí hỗn hợp**

1. Khái niệm
2. Phân tích chi phí hỗn hợp thành định phí và biến phí theo phương pháp cực

đại - cực tiểu

**II. Ứng dụng của phân loại chi phí theo hình thái**

1. Điểm hòa vốn
  - 1.1. Khái niệm
  - 1.2. Phương pháp xác định điểm hòa vốn theo phương pháp lãi góp
2. Khoảng an toàn
3. Ứng dụng để xác định phương án kinh doanh tối ưu

**III. Báo cáo thu nhập theo lãi góp**

1. Báo cáo thu nhập truyền thống (theo chức năng)

*Q*

2. Báo cáo thu nhập theo lãi góp
  3. Ý nghĩa của báo cáo thu nhập theo lãi góp
- IV. Báo cáo bộ phận

### **Chương V. PHÂN TÍCH CHI PHÍ – SẢN LƯỢNG – LỢI NHUẬN (CVP)**

#### **I. Phân tích CVP trong trường hợp doanh nghiệp chỉ sản xuất một loại sản phẩm**

1. Thay đổi về chi phí cố định và doanh số bán hàng
2. Những thay đổi về chi phí biến đổi và doanh số bán hàng
3. Thay đổi về chi phí cố định, giá bán và doanh số bán hàng
4. Thay đổi về chi phí biến đổi, chi phí cố định và doanh số
5. Thay đổi về giá bán

#### **II. Phân tích CVP ở doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm**

#### **III. Cơ cấu chi phí và đòn bẩy kinh doanh**

1. Cơ cấu chi phí
2. Rủi do hoạt động và đòn bẩy kinh doanh

### **Chương VIII. DỰ TOÁN SẢN XUẤT KINH DOANH**

#### **I. Khái quát chung về dự toán và lập dự toán**

1. Khái niệm
2. Ý nghĩa
3. Phân loại dự toán
4. Các phương pháp lập dự toán

#### **II. Hệ thống dự toán sản xuất kinh doanh**

1. Dự toán tiêu thụ
2. Dự toán sản xuất
3. Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp
4. Dự toán nhân công trực tiếp
5. Dự toán chi phí sản xuất chung
6. Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
7. Dự toán tiền mặt

### **Chương IX. CHI PHÍ PHÙ HỢP CHO VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH**

1. Khái niệm thông tin chi phí phù hợp
2. Lợi ích của sử dụng thông tin chi phí phù hợp
3. Các loại thông tin chi phí phù hợp và chi phí không phù hợp

4. Phân tích gia tăng
5. Ứng dụng phân tích gia tăng để ra quyết định
  - 5.1. Tự sản xuất hay mua ngoài
  - 5.2. Chấp nhận đơn đặt hàng đặc biệt
  - 5.3. Tiếp tục hay dừng sản xuất một sản phẩm, hoạt động của một bộ phận
6. Tối đa hóa lãi gộp trong điều kiện năng lực sản xuất bị giới hạn

### III. TÀI LIỆU ÔN THI

1. Trường Đại học Lao động - Xã hội, Giáo trình Kế toán quản trị, NXB Tài chính 2010

Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Kế toán quản trị, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2014;
2. Garrison and Noreen: Managerial Accounting 12e, NXB McGrawhill, 2008.





**Phụ lục VII**  
**NỘI DUNG THI VÀ DẠNG THỨC ĐỀ THI**  
**MÔN QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**

(Kèm theo Thông báo số: 310/TB-ĐHLDXXH ngày 06 tháng 02 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

**I. DẠNG THỨC ĐỀ THI**

- Đề thi gồm 3 câu:

Câu 1 (3 điểm) Hãy nhận định đúng, sai và giải thích (10 câu nhỏ, 0,3 điểm/câu). Bao quát các nội dung quản trị nhân lực có trong đề cương ôn tập.

Câu 2 (3 điểm) Tự luận: Trình bày, phân tích, so sánh, đánh giá các vấn đề đặt ra thuộc nội dung QTNL

Câu 3 (4 điểm) Bài tập tình huống: Vận dụng khung lý thuyết Quản trị nhân lực để giải quyết một tình huống cụ thể.

- Hình thức thi: Thi viết (Không sử dụng tài liệu)

- Thời gian thi: 180 phút

**II. NỘI DUNG THI**

***Nội dung 1. Tổng quan quản trị nhân lực***

- Bản chất và sự phát triển của Quản trị nhân lực
- Phân định trách nhiệm các cấp trong công tác Quản trị nhân lực
- Vai trò của bộ phận chuyên trách công tác Quản trị nhân lực
- Tiêu chuẩn năng lực cán bộ Quản trị nhân lực

***Nội dung 2. Thiết kế và phân tích công việc***

- Bản chất thiết kế và thiết kế lại công việc
- Các phương pháp thiết kế và thiết kế lại công việc
- Bản chất và các kết quả phân tích công việc
- Vai trò và định hướng sử dụng các kết quả phân tích công việc
- Các yêu cầu đối với các kết quả phân tích công việc
- Thông tin cần thu thập và đối tượng có thể tiếp cận thu thập thông tin phân tích công việc
- Các phương pháp thu thập thông tin phân tích công việc
- Quy trình phân tích công việc
- Liên hệ thực tế thiết kế và phân tích công việc

***Nội dung 3. Tạo động lực lao động***

- Khái niệm, nội dung của tạo động lực lao động



8

- Các yếu tố ảnh hưởng đến tạo động lực lao động
- Các học thuyết tạo động lực lao động
- Biện pháp tạo động lực lao động
- Liên hệ thực tế tạo động lực lao động trong một tổ chức

#### ***Nội dung 4. Tuyển dụng nhân lực***

- Bản chất, vai trò của tuyển dụng nhân lực
- Các nhân tố ảnh hưởng đến tuyển dụng nhân lực
- Cơ sở tuyển dụng nhân lực
- Phân định trách nhiệm trong tuyển dụng nhân lực
- Bản chất, vai trò, kết quả của tuyển mộ nhân lực
- Nguồn và các phương pháp tuyển mộ nhân lực
- Thông báo tuyển dụng, nội dung, cách thức xây dựng và yêu cầu đối với một thông báo tuyển dụng
- Quy trình tuyển mộ nhân lực
- Liên hệ thực tế tuyển mộ nhân lực
- Bản chất, vai trò của tuyển chọn nhân lực
- Các phương pháp tuyển chọn
- Quy trình tuyển chọn nhân lực
- Đánh giá hiệu quả tuyển dụng
- Liên hệ thực tiễn tuyển dụng nhân lực

#### ***Nội dung 5. Sử dụng nhân lực***

- Bản chất, vai trò của sử dụng nhân lực
- Các nhân tố ảnh hưởng đến sử dụng nhân lực
- Cơ sở sử dụng nhân lực
- Nguyên tắc sử dụng nhân lực
- Nội dung sử dụng nhân lực
- + Tiếp đón và định hướng nhân viên;
- + Biên chế nội bộ (Thuyên chuyển, luân chuyển, đề bạt, kỷ luật, xuống chức)
- + Hoàn tất sử dụng nhân lực (Tinh giản biên chế, thôi việc, nghỉ hưu)
- Liên hệ thực tiễn sử dụng nhân lực

#### ***Nội dung 6. Đánh giá thực hiện công việc***

- Bản chất, vai trò đánh giá thực hiện công việc

Phân biệt đánh giá thực hiện công việc, đánh giá nhân lực, đánh giá công việc

- Các phương pháp đánh giá thực hiện công việc
- Những người có thể tham gia đánh giá thực hiện công việc
- Hệ thống đánh giá và các yêu cầu đối với hệ thống đánh giá
- Quy trình đánh giá thực hiện công việc
- Các lỗi cần tránh khi đánh giá thực hiện công việc
- Phòng vấn đánh giá, vai trò, kỹ năng, yêu cầu đối với phòng vấn đánh giá
- Liên hệ thực tiễn đánh giá thực hiện công việc

#### **Nội dung 7. Đào tạo nhân lực**

- Bản chất, phân loại, vai trò của đào tạo nhân lực
- Phân biệt giữa đào tạo và phát triển nhân lực
- Nguyên tắc đào tạo nhân lực
- Các hình thức và phương pháp đào tạo nhân lực
- Nhu cầu đào tạo và phương pháp xác định nhu cầu đào tạo
- Lập kế hoạch đào tạo
- Quy trình triển khai chương trình đào tạo
- Đánh giá hiệu quả đào tạo
- Sử dụng sau đào tạo
- Liên hệ thực tế về đào tạo nhân lực

#### **Nội dung 8. Thù lao lao động**

- Bản chất và kết cấu của hệ thống thù lao lao động
- Các nhân tố ảnh hưởng đến việc xây dựng hệ thống thù lao lao động
- Các tiêu thức lựa chọn khi xây dựng hệ thống thù lao lao động
- Liên hệ thực tế thù lao lao động

### **III. TÀI LIỆU ÔN THI**

1. Lê Thanh Hà (Chủ biên), Giáo trình Quản trị nhân lực tập 1, tập 2.
2. Nguyễn Thị Hồng (Chủ biên), Bộ bài tập Quản trị nhân lực tập 1, tập 2.



3

**Phụ lục VIII**  
**NỘI DUNG THI VÀ DẠNG THỨC ĐỀ THI**  
**MÔN TIỀN LƯƠNG**

(Kèm theo Thông báo số: 310 /TB-DHLĐXH ngày 06 tháng 02 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

**I. DẠNG THỨC ĐỀ THI**

- Đề thi gồm 3 câu:
- Câu 1 (3 điểm) Đúng - Sai và giải thích
- Câu 2 (3 điểm) Tự luận: Trình bày, phân tích, so sánh, đánh giá các vấn đề đặt ra thuộc nội dung ôn tập môn tiền lương.
- Câu 3 (4 điểm) Bài tập Tiền lương. Bài tập được kết cấu theo 3 yêu cầu:
  - + Yêu cầu 1: Bài tập tính toán trên cơ sở một số dữ liệu cho sẵn.
  - + Yêu cầu 2: Bình luận (đánh giá) một phương án trả lương cụ thể gắn với một (một nhóm) đối tượng nhất định.
  - + Yêu cầu 3: Xây dựng, hoàn thiện phương án trả lương (thường, thù lao tài chính) cho một nhóm đối tượng theo yêu cầu.
- Hình thức thi: Thi viết (không sử dụng tài liệu).
- Thời gian thi: 180 phút

**II. NỘI DUNG THI**

Nội dung thi tập trung vào các nội dung sau

***Nội dung 1. Tổng quan về tiền lương***

- Bản chất của tiền lương, yêu cầu trong trả lương trả công
- Các chức năng cơ bản của tiền lương
- Tiền lương danh nghĩa, tiền lương thực tế; Mối quan hệ giữa tiền lương danh nghĩa, tiền lương thực tế; Các biện pháp tăng tiền lương thực tế.
- Các yêu cầu của tổ chức tiền lương
- Các nguyên tắc cơ bản của tổ chức tiền lương

***Nội dung 2. Các học thuyết và quan hệ tiền lương***

- Các học thuyết tiền lương
- Tiền lương trong các loại thị trường lao động
- Quan hệ tiền lương với các yếu tố kinh tế - xã hội
- Tiền lương trong nền kinh tế thị trường Việt Nam

### ***Nội dung 3. Tiền lương tối thiểu***

- Khái niệm, cơ cấu
- Vai trò của tiền lương tối thiểu
- Yêu cầu của tiền lương tối thiểu
- Tiền lương tối thiểu ở Việt Nam

### ***Nội dung 4. Thang, bảng lương***

- Bản chất, vai trò của thang bảng lương
- Nguyên tắc xây dựng thang bảng lương
- Thang bảng lương trong doanh nghiệp: bản chất, vai trò.
- Thang bảng lương Nhà nước quy định đối với khu vực công

### ***Nội dung 5. Phụ cấp lương***

- Bản chất và ý nghĩa của phụ cấp lương
- Phụ cấp lương trong doanh nghiệp
- Phụ cấp lương Nhà nước quy định đối với khu vực công

### ***Nội dung 6. Các hình thức trả lương***

#### ***6.1. Hình thức trả lương theo sản phẩm***

- Bản chất, vai trò của hình thức trả lương sản phẩm
- Các hình thức trả lương sản phẩm
  - + Hình thức trả lương sản phẩm cá nhân
  - + Hình thức trả lương sản phẩm tập thể
  - + Hình thức trả lương sản phẩm gián tiếp
  - + Hình thức trả lương sản phẩm có thưởng.
  - + Hình thức trả lương sản phẩm lũy tiến

#### ***6.2. Hình thức trả lương thời gian***

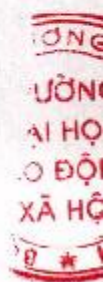
- Bản chất, vai trò của hình thức trả lương thời gian
- Cách tính tiền lương thời gian
- Các hình thức trả lương thời gian

#### ***6.3. Trả lương hỗn hợp***

- Cơ sở trả lương hỗn hợp
  - Các phương án trả lương hỗn hợp

#### ***6.4. Một số chế độ trả lương theo quy định của Luật lao động***

- Trả lương khi ngừng việc



- Trả lương cho các ngày nghỉ quy định
- Trả lương làm việc ban đêm
- Trả lương khi làm thêm giờ

**Nội dung 7. Tiền thưởng**

- Bản chất, vai trò của tiền thưởng
- Nguyên tắc của tổ chức tiền thưởng
- Các hình thức trả thưởng

**Nội dung 8. Quy chế trả lương**

- Bản chất, vai trò, quy trình xây dựng quy chế trả lương
- Các yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng quy chế trả lương
- Nội dung cơ bản của quy chế trả lương
- + Xác định quỹ tiền lương
- + Các phương án trả lương, thu nhập cho người lao động (hiệu, đánh giá, chỉnh sửa, xây dựng được).
- + Tiền thưởng, các khuyến khích tài chính khác và phúc lợi tài chính (hiệu, đánh giá và chỉnh sửa, xây dựng được).

**III. TÀI LIỆU ÔN THI**

1. Lê Thanh Hà (Chủ biên), Giáo trình Quản trị nhân lực tập 1,2.
2. Nguyễn Tiệp (Chủ biên), Giáo trình Tiền lương - Tiền công.
3. Đỗ Thị Tươi, Bộ bài tập Tiền lương - Tiền công.
4. Đỗ Thị Tươi, Giáo trình quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp.



**Phụ lục IX**  
**NỘI DUNG THI VÀ DẠNG THỨC ĐỀ THI**  
**MÔN KINH TẾ VI MÔ**

(Kèm theo Thông báo số: 310/TB-ĐHLDXH ngày 06 tháng 02 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội )

**I. DẠNG THỨC ĐỀ THI**

- Đề thi gồm 3 câu:

**Câu 1 (4 điểm):** Trắc nghiệm lựa chọn đáp án đúng nhất (Là tổ hợp gồm 20 câu hỏi thi; 0,2 điểm/câu); Bao quát các nội dung Kinh tế vi mô có trong đề cương ôn tập.

**Câu 2 (3 điểm):** Tự luận: giải thích, phân tích, lấy ví dụ hoặc vẽ đồ thị minh họa (1 câu hỏi thi; 3 điểm/câu); Bao quát các nội dung Kinh tế vi mô có trong đề cương ôn tập.

**Câu 3 (3 điểm):** Bài tập tính toán: Vận dụng lý thuyết để làm bài tập tính toán.

- Hình thức thi: Thi viết (Không sử dụng tài liệu)

- Thời gian thi: 180 phút

**II. NỘI DUNG THI**

**Nội dung 1. Kinh tế Vi mô và những vấn đề cơ bản của nền kinh tế**

- Phân biệt Kinh tế Vi mô và Kinh tế Vĩ mô
- Ba vấn đề cơ bản của nền kinh tế
- Chi phí cơ hội
- Đường giới hạn khả năng sản xuất

**Nội dung 2. Lý thuyết Cung – Cầu về hàng hóa, dịch vụ**

- Các khái niệm liên quan đến Cầu
- Các yếu tố ảnh hưởng tới cầu và lượng cầu
- Hàm số cầu
- Sự vận động, dịch chuyển của đường cầu
- Các khái niệm liên quan đến Cung
- Các yếu tố ảnh hưởng tới cung và lượng cung
- Hàm số cung
- Sự vận động, dịch chuyển của đường cung
- Trạng thái cân bằng cung – cầu hàng hóa, dịch vụ
- Trạng thái dư thừa và thiếu hụt của thị trường
- Sự thay đổi trạng thái cân bằng
- Giá trần và giá sàn
- Thuế/ Trợ cấp

- Ứng dụng lý thuyết để làm bài tập tính toán điểm cân bằng cung – cầu

### **Nội dung 3. Lý thuyết hành vi người tiêu dùng**

- Các khái niệm và công thức liên quan đến lợi ích
- Quy luật lợi ích cận biên giảm dần
- Khái niệm và đặc điểm của đường bàng quan
- Khái niệm, đặc điểm, phương trình đường ngân sách
- Lựa chọn sản phẩm và tiêu dùng tối ưu

### **Nội dung 4. Lý thuyết hành vi người sản xuất**

- Hàm sản xuất: khái niệm, công thức, phân loại.
- Sản xuất trong ngắn hạn:
  - + Khái niệm, công thức tính  $MP_L$ ;  $AP_L$ ;  $Q_L$
  - + Mối quan hệ giữa các chỉ số trên
  - + Quy luật năng suất cận biên giảm dần
- Sản xuất trong dài hạn:
  - + Khái niệm, đặc điểm đường đồng lượng.
  - + Chi phí sản xuất trong dài hạn: Khái niệm, đặc điểm, phương trình đường đồng phí.
  - + Lựa chọn phương án sản xuất tối ưu: Tiếp cận từ đường đồng lượng và đường đồng phí

phí

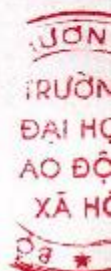
- Chi phí sản xuất trong ngắn hạn: Khái niệm, đặc điểm và công thức tính các loại chi phí tổng, chi phí bình quân và chi phí cận biên.

- Khái niệm, công thức tính và mối quan hệ của các chỉ số liên quan đến doanh thu (AR; TR; MR).

- Xác định mức sản lượng để doanh nghiệp tối đa hóa doanh thu trong ngắn hạn.
- Khái niệm và công thức tính lợi nhuận trong ngắn hạn.
- Xác định mức sản lượng tối ưu để doanh nghiệp tối đa hóa lợi nhuận trong ngắn hạn.
- Ứng dụng lý thuyết để làm bài tập tính toán về doanh thu, lợi nhuận, tối ưu hóa doanh thu và tối ưu hóa lợi nhuận.

### **Nội dung 5. Cấu trúc thị trường**

- Khái niệm và đặc điểm thị trường cạnh tranh hoàn hảo.
- Quyết định sản xuất của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn.
- Khái niệm và đặc điểm của thị trường độc quyền.
- Nguyên nhân dẫn đến độc quyền.
- Quyết định mức giá và sản lượng tối ưu của hãng độc quyền thuần túy trong ngắn





hạn.

### III. TÀI LIỆU ÔN THI

1. TS. Lương Xuân Dương và TS. Trần Văn Hòe, Bài giảng Nguyên lý Kinh tế vi mô, Đại học Lao động- Xã hội, 2012.

2. TS. Lương Xuân Dương, Bài tập Kinh tế vi mô, NXB Lao động – Xã hội, 2010.



**Phụ lục X**  
**NỘI DUNG THI VÀ DẠNG THỨC ĐỀ THI**  
**MÔN QUẢN TRỊ HỌC**

(Kèm theo Thông báo số: 3/10/TB-DHLĐXH ngày 06 tháng 02 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

**I. DẠNG THỨC ĐỀ THI**

- Đề thi gồm 3 câu:

Câu 1 (3 điểm) Nhận định đúng/sai và giải thích (10 câu nhỏ, 0,3 điểm/câu): Bao quát các nội dung Quản trị học.

Câu 2 (3 điểm) Tự luận: Phân tích, đánh giá, liên hệ thực tiễn các vấn đề thuộc nội dung Quản trị học

Câu 3 (4 điểm) Bài tập tình huống: Vận dụng lý thuyết Quản trị học để giải quyết một tình huống cụ thể.

- Hình thức thi: Thi viết (Không sử dụng tài liệu)

- Thời gian thi: 180 phút

**II. NỘI DUNG THI**

***Nội dung 1. Tổng quan quản trị tổ chức***

- Khái niệm và vai trò của quản trị tổ chức, nhà quản trị tổ chức
- Các chức năng quản trị và các cấp bậc cơ bản của quản trị tổ chức
- Các phẩm chất và kỹ năng cơ bản của nhà quản trị tổ chức
- Phương pháp và nguyên tắc quản trị
- Các xu hướng thay đổi về quản trị tổ chức hiện nay

***Nội dung 2. Môi trường quản trị***

- Khái niệm và vai trò của môi trường quản trị
- Phân loại môi trường quản trị
- Phân tích các yếu tố thuộc môi trường vĩ mô
- Phân tích các yếu tố thuộc môi trường vi mô
- Liên hệ thực tiễn phân tích môi trường quản trị

***Nội dung 3. Quyết định quản trị***

- Khái niệm, đặc điểm và vai trò của quyết định quản trị
- Những điều kiện tiên quyết để ra quyết định quản trị
- Những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định quản trị
- Phương pháp ra quyết định quản trị
- Quy trình ra và thực hiện quyết định quản trị
- Liên hệ thực tiễn quy trình ra quyết định

***Nội dung 4. Chức năng hoạch định***



- Khái niệm và vai trò của hoạch định trong tổ chức
- Phân loại hoạch định
- Tiến trình hoạch định trong tổ chức
- Những công cụ hỗ trợ hoạch định

**Nội dung 5. Chức năng tổ chức**

- Khái niệm, nội dung của chức năng tổ chức
- Những thành phần cơ bản của cơ cấu tổ chức
- Nguyên tắc xây dựng cơ cấu tổ chức
- Những yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức
- Các kiểu cơ cấu tổ chức
- Quyền hạn và ủy quyền trong quản trị tổ chức

**Nội dung 6. Chức năng lãnh đạo**

- Khái niệm và vai trò của lãnh đạo tổ chức
- Các phong cách lãnh đạo
- Bản chất của thúc đẩy nhân viên trong tổ chức
- Những yếu tố ảnh hưởng đến sự thúc đẩy nhân viên trong tổ chức
- Các lý thuyết về thúc đẩy nhân viên
- Các loại xung đột trong tổ chức
- Các phương pháp quản trị xung đột

**Nội dung 7. Chức năng kiểm soát**

- Khái niệm và vai trò của kiểm soát
- Các yêu cầu đối với hệ thống kiểm soát
- Quy trình kiểm soát
- Hình thức và công cụ kiểm soát

**III. TÀI LIỆU ÔN THI**

1. Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền, (2011), Giáo trình Quản trị học, NXB Tài chính .
2. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, (2012), Quản lý học, NXB Đại học Kinh tế quốc dân



**HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
LAO ĐỘNG  
XÃ HỘI

*[Handwritten Signature]*

**TS. Hà Xuân Hùng**